

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-PT
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp về chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Phương

Ông Đặng Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLPT- DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H; địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Dương Văn H; địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu phản tố: Anh Dương Ngọc H1 (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 06/01/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu yêu cầu độc lập:* Anh Dương Tôn H2 (tên gọi khác: Dương Văn Hưng); địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu yêu cầu độc lập Dương Tôn H2: Bà H (Văn bản ủy quyền công chứng ngày 28/11/2021); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị M; vắng mặt.

2. Bà Dương Thị P; vắng mặt.

3. Bà Dương Thị Đ; vắng mặt.

4. Bà Dương Thị H3; vắng mặt.

5. Bà Dương Thị H4; vắng mặt.

6. Ông Dương Quốc C; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng;

7. Bà Đinh Thị L; vắng mặt.

8. Ông Dương Văn B; vắng mặt.

9. Ông Dương Văn B1; vắng mặt.

10. Ông Dương Văn H5; vắng mặt.

11. Chị Dương Thu T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng;

12. Bà Dương Thị H6; địa chỉ: Thôn Hòa Nhất, xã Đặng Cương, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị M, Dương Thị P, Dương Thị Đ, Dương Thị H3, Dương Thị H4, Dương Quốc C, Đinh Thị L, Dương Văn B, Dương Văn B1, Dương Thu T và Dương Thị H6: Bà H (Văn bản ủy quyền công chứng ngày 28/11/2021); có mặt.

13. Bà Phạm Thị G; vắng mặt.

14. Chị Dương Thị H7; vắng mặt.

15. Anh Nguyễn Văn N; vắng mặt.

16. Anh Dương Thành M; vắng mặt.

17. Chị Nguyễn Thị D1; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Thành M và chị Dương Thị H7: Anh Dương Ngọc H1 (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 20/4/2022); có mặt.

18. Công ty TNHH thương mại N; địa chỉ: Số 21 đường 351, tổ đường 5/4, phường Q, quận H3 Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo: Ông Dương Văn H là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, quá trình giải quyết vụ án của bà H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H với tư cách là nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của đương sự trình bày:

Cụ Dương Văn Niên chết năm 2006, cụ Nguyễn Thị Chiêu chết năm 1995 (các cụ chết đều không để lại di chúc) là tH5 sinh bà H. Cụ Niên, cụ Chiêu sinh được 7 người con gồm: Ông Dương Văn Miên (chết năm 2015, có vợ là bà Vũ Thị M và có 06 người con là Dương Thị P, Dương Thị Đ, Dương Thị H3, H, Dương Tôn H2 - tên gọi khác là Dương Văn Hưng và Dương Quốc C); ông Dương Văn Quyên (chết khi còn nhỏ, không có vợ con); bà Dương Thị Gái (chết khi còn nhỏ, không có chH3 con); ông Dương Văn Tề (hy sinh năm 1966, không có vợ con); ông Dương Văn Nhậm (chết năm 2005) có vợ là bà Đinh Thị L và có 05 người con là Dương Văn B, Dương Văn B1, Dương Văn H5, Dương Thu T và Dương Thị H6); ông Dương Văn H và H. Cụ Niên và cụ Chiêu không có con riêng, con nuôi.

Khi còn sống, cụ Niên, cụ Chiêu có tạo dựng được khối tài sản là diện tích $3.312m^2$ tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 04 thuộc thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 217). Khi các con trưởng thành, cụ Niên, cụ Chiêu đã cho ông Miên diện tích $576m^2$, cho ông Nhậm diện tích $1080m^2$, cho ông H diện tích $1080m^2$. Diện tích còn lại $576m^2$ các cụ để sử dụng và được thể hiện điều C thành thửa 217B, tờ bản đồ số 04. Khi còn sống, bố mẹ ở với ông H nên toàn bộ thửa đất nằm liền kề với đất đã cho ông H. Đến khi bố mẹ mất thì ông H quản lý. Anh chị em có nguyện vọng xây dựng nhà thờ bố mẹ trên thửa đất thì ông H không đồng ý. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản là đất do bố mẹ chết đi để lại. Đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật cho bà H, cho vợ và các con của ông Miên, cho vợ và các con của ông Nhậm được sử dụng chung $3/4$ diện tích di sản và giao cho bà H đại diện quản lý, ông H có trách nhiệm tháo dỡ vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất được chia. Phần diện tích $1/4$ còn lại chia cho ông H sử dụng riêng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Dương Ngọc H1 trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, huyết thống, về khối tài sản của cụ Niên, cụ Chiêu tạo lập được và sự kiện các cụ cho đất các con, thời điểm các cụ chết và di sản để lại là diện tích đất hiện nay ông H quản lý như trình bày của bà H là đúng. Ngoài ra, do cụ Niên, cụ Chiêu có con trai (ông Tề) là liệt sỹ nên được Nhà nước ưu tiên cấp cho $100m^2$ đất ở tại thửa 497, tờ bản đồ 04 thôn Quỳnh H, xã N (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 497) nhưng đại diện đứng tên anh Dương Văn Hưng (tên khai sinh là Dương Tôn H2) là con ông Miên. Bố anh là người nuôi các cụ và nuôi dưỡng bà Gái (là chị ruột của ông H) cho đến khi chết. Khi ông Miên (là con trưởng) còn sống có nói miệng với các thành viên trong gia đình và nội tộc là ông H có công chăm sóc bố mẹ và chị gái nên sau này sẽ cho ông H toàn bộ diện tích đất bố mẹ chết đi để lại. Nay bà H và các thành viên yêu cầu chia di sản của cụ Niên, cụ Chiêu, anh có quan điểm: Đồng ý chia cho bà H và các con ông Miên, ông Nhậm $200m^2$ tại Thửa đất số 217B và toàn bộ Thửa đất số 497; diện tích còn lại tại Thửa đất số 217B chia cho ông H.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu yêu cầu độc lập Dương Tôn H2 trình bày: Thửa đất số 497 là đất giãn dân do Nhà nước cấp có thu tiền sử dụng đất cho con trai ông Miên là anh Dương Văn Hưng (tên gọi khác là Dương Tôn H2) chứ không phải là di sản của cụ Niên và cụ

Chiều. Đề nghị Tòa án xác định anh Dương Tôn H2 (tên gọi khác là Dương Văn Hưng) là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất trên theo diện tích đo vẽ thực tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Văn H5 trình bày: Anh là con ông Nhậm. Trường hợp anh được hưởng thừa kế của bố anh, anh cho mẹ là bà L sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Thị H7 trình bày: Vợ CH3 chỉ được bố mẹ (ông H bà G) cho mượn đất để xây nhà ở. Đất vợ CH3 xây dựng trước đó là rãnh nước (chiều rộng khoảng 3,6 đến 4m, chiều sâu hết đất) đã được bố mẹ san lấp. Rãnh nước này đã được bố mẹ chỉ sử dụng và đóng thuế từ lâu; khi xây dựng không ai có ý kiến gì. Do không xây dựng trên đất thừa kế nên vợ CH3 chỉ không liên quan đến vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị L trình bày: Bà L đồng ý nhận phần di sản anh H5 được chia nhưng tạm thời nhập vào toàn bộ diện tích chung mà bà và những người ủy quyền cho bà được hưởng để sử dụng chung và sẽ PH5 chia sau.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã tuyên xử:

Căn cứ vào các điều 92, 147, 219, 244 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 610, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H đối với khối di sản của cụ Dương Văn Niên và Nguyễn Thị Chiều. Xác định khối di sản của cụ Dương Văn Niên và Nguyễn Thị Chiều để lại là diện tích đất 616m² tại thửa đất số 217B, tờ bản đồ số 04 thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nằm ở các mốc giới 7,8,9,2,1,24,23,22,21,19,18,17,16,15,14,13,12,7 trên sơ đồ.

2. Tạo lập lối ngõ đi chung có diện tích 74,7m² có các mốc giới 7,8,11,20,19,18,17,16,15,14,13,12,7 trên sơ đồ). Diện tích còn lại là 541,3m² chia cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà H, bà Vũ Thị M, bà Đinh Thị L, chị Dương Thị P, chị Dương Thị Đ, chị Dương Thị H3, chị Dương Thị H4, anh Dương Tôn H2, anh Dương Quốc C, anh Dương Văn B, anh Dương Văn B1, chị Dương Thu T và chị Dương Thị H6 được quản lý, sử dụng chung diện tích 368,475m² (có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia cho ông H và rãnh nước; Phía N giáp đất chia cho ông H; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập; phía Tây giáp hộ bà Mùi). Giao cho bà H làm đại diện quản lý (có các mốc giới 1,2,9,10,11,20,22,23,24,1 trên sơ đồ). Ông Dương Văn H và bà Phạm Thị G có trách nhiệm tháo dỡ vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên thửa đất có các mốc giới ở trên.

2.2. Chia, giao cho ông Dương Văn H quản lý, sử dụng diện tích 65,8m² do chị H7 và anh N đang quản lý (có tứ cận: Phía Bắc giáp ruộng nước; phía N và phía Tây giáp đất chia, giao cho bà H đại diện quản lý; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập - gồm các mốc giới 8,9,10,11,8 trên sơ đồ);

2.3. Chia, giao cho ông Dương Văn H và bà Phạm Thị G quản lý, sử dụng chung diện tích 107m² (có 1 phần anh M và chị D1 đang quản lý) có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia, giao cho bà H đại diện quản lý; phía N đất ông H được bố mẹ cho; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập; phía Tây giáp hộ bà Mùi - gồm các mốc giới 19,20,21,22 trên sơ đồ). Trong diện tích 107m², bà Phạm Thị G được hưởng 50m², ông H được hưởng 57m². Trường hợp không thống nhất tự pH5 chia được thì ông H, bà G có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông H, bà G, chị H7, anh N, anh M; chị D1 tự giải quyết với nhau về tH4 toán giá trị là công trình, vật kiến trúc trên phần di sản ông H, bà G được chia, giao.

(Có sơ đồ pH5 chia đất kèm theo bản án).

Các bên có trách nhiệm đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Dương Văn H đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 100m² (đo thực tế là 98.67m²) tại thửa đất số 497, tờ bản đồ 04 thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Tôn H2. Xác định anh Dương Tôn H2 (tên gọi khác: Dương Văn Hưng) là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 98.67m² tại thửa đất số 497, tờ bản đồ 04 thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Dương Tôn H2 có trách nhiệm đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020, bị đơn ông Dương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung cụ thể:

- Diện tích chia không đúng với diện tích thực tế theo khảo sát của gia đình
- Công sức chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ và chị gái của gia đình ông H chưa được thỏa đáng. Tòa chỉ chia cho gia đình ông 50m², yêu cầu xem xét lại.
- Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố của ông về thửa đất 497 tờ bản đồ số 4, diện tích 100m², địa chỉ: Đường 351, thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, Hải Phòng. Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chỉ dựa vào giải thửa và mục kê của xã đứng tên ông Dương Văn Hưng mà phán quyết là tài sản của cá nhân ông Hưng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Diện tích đất di sản bà đề nghị chia là 576m² chỉ bao gồm đất thổ cư, không tính vào đường. Diện tích 576m² là di sản của bố mẹ bà để lại để lại nên phải chia đều cho cả bốn người con được hưởng như nhau. Tòa sơ thẩm A xác định là ông H nuôi bố nằm liệt, thực tế bố tôi chết ở nhà anh trai trưởng, nên tòa sơ thẩm chia thêm 50m² cho ông H là chưa hợp lý.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn H là anh Dương Ngọc H1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các nội dung đã trình bày. Anh H1 xác định diện tích đất thực tế sau khi thẩm định lại là 576m² là chính xác. Đề nghị tòa cấp phúc thẩm phân chia diện tích đất tính thêm công sức của ông H và bà G. Về giá trị các tài sản trên đất sau khi chia gia đình anh sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phần diện tích đất di sản sau khi xem xét, thẩm định lại tại giai đoạn phúc thẩm xác là 576m² phù hợp với diện tích đất trên sổ mục kê và bản đồ giải thửa, phần diện tích đất tăng lên do cấp sơ thẩm đã tính bao gồm cả rãnh thoát nước thuộc đất công do chính quyền địa P quản lý, chưa chấp cho ai. Bản án sơ thẩm đã chia cho bà G được 50m² là chưa hợp lý vì cả ông H, bà G đều có công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị di sản, đóng thuế với nhà nước nên cần tính công sức của ông H, bà G bằng 01 định suất thừa kế mới phù hợp. Về yêu cầu phần tố đối với thửa 497 tờ bản đồ số 04, diện tích 100m² tại đường 351, thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, Hải Phòng không có chứng cứ chứng M là di sản thừa kế của cụ Niên và cụ Chiêu nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm: Xác định di sản thừa kế của cụ Niên, cụ Chiêu để lại là 576m² tại thửa số 217B, tờ bản đồ số 01 thôn Quỳnh H, Xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Xác định công sức giữ gìn, tôn tạo cho ông H, bà G bằng 01 suất thừa kế. Do vậy diện tích đất 576m² sau khi trừ đi diện tích đất làm 05 phần bằng nhau (05 định suất thừa kế và 01 phần công sức giữ gìn, tôn tạo). Trong đó 04 định suất thừa kế gồm: Bà H, ông H, vợ và con ông Miên (gồm bà M, chị P, chị Đ, chị H3, chị H4, anh Hưng tức H2, anh C mỗi người được 1/7 định suất thừa kế của ông Miên), vợ và con ông Nhậm (gồm bà L, anh B, anh B1, chị T, anh H5, chị H6 mỗi người được 1/6 định suất thừa kế của ông Nhậm; phần thừa kế của anh H5, anh H5 cho bà L); 01 phần công sức giữ gìn, tôn tạo của ông H, bà G. Phần diện tích đất chia của bà H, bà M, bà L, chị P, chị Đ, chị H3, chị H4, anh Hưng (H2), anh C, anh B, anh B1, chị T, chị H6 giao cho bà H đại diện quản lý; giao cho ông H, bà G quản lý sử dụng chung diện tích đất được chia.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định. Riêng ông H, bà M, bà L, chị P có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án xác định được quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại huyện A nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Niên chết năm 2006, cụ Chiêu chết năm 1995 nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận Thừa đất số 217B là di sản của cụ Niên và cụ Chiêu chết đi để lại. Do đó, thừa đất 217B được chia cho các đồng thừa kế.

[4] Về hàng thừa kế: Cụ Niên, cụ Chiêu có 07 người con gồm Ông Miên, ông Quyên, bà Gái, ông Tề, ông Nhậm, bà H và ông H. Ông Quyên chết khi còn nhỏ, không có vợ con; bà Gái chết năm 1997 (không có con); ông Tề lấy vợ nhưng không có con, ông Tề hy sinh năm 1966. Di sản của cụ Niên cụ Chiêu chỉ chia cho 04 người con còn lại là ông Miên, ông Nhậm, bà H và ông H.

Do ông Miên chết sau cụ Niên, cụ Chiêu (cụ Chiêu chết năm 1995, cụ Niên chết năm 2006, ông Miên chết năm 2015) nên phần thừa kế của ông Miên sẽ chia cho 06 người con và vợ của ông Miên hưởng.

Do ông Nhậm chết trước người để lại di sản là cụ Niên (ông Nhậm chết năm 2005, cụ Niên chết năm 2006) nên phát sinh thừa kế thế vị của ông Nhậm quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự, bà L được hưởng một phần của ông Nhậm đối với phần di sản ông Nhậm được hưởng của cụ Chiêu.

Những người thuộc diện được hưởng thừa kế là bà H, ông H, vợ và các con của ông Miên, 05 người con của ông Nhậm, bà L được hưởng di sản của cụ Chiêu đáng ra ông Nhậm được hưởng.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn H:

[5] Diện tích chia không đúng với diện tích thực tế theo khảo sát của gia đình; Công sức chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ và chị gái của gia đình ông H chưa được thỏa đáng. Tòa chỉ chia cho gia đình ông 50m², yêu cầu xem xét lại; Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố của ông về thừa đất 497 tờ bản đồ số 4, diện tích 100m², địa chỉ: Đường 351, thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, Hải Phòng. Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chỉ dựa vào giải thửa và mục kê của xã đứng tên ông Dương Văn Hưng mà phán quyết là tài sản của cá nhân ông Hưng.

[6] Xét nội dung thứ nhất ông H cho rằng Diện tích chia không đúng với diện tích thực tế theo khảo sát của gia đình. Về nội dung này, tài liệu ông H cung cấp cho Tòa án tờ bản đồ giải thửa có ghi diện tích thửa đất 217B có diện tích 576 m², đồng thời cung cấp cho Tòa án Hợp đồng giữa ông H và công ty Hoàng Lâm để đo lại thửa đất. Tại Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất của công ty Hoàng Lâm đo vẽ thì diện tích thửa đất 217B có diện tích 576m², ông H cho rằng ở giai đoạn sơ thẩm Tòa đã đo vẽ cả diện tích mà gia đình ông đã lấn vào rãnh nước của cả xóm. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và văn bản trả lời của công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đ thấy rằng, Tòa cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Niên cụ Chiêu là 616m² để chia cho các đồng thừa kế là không chính xác.

[6.1] Thứ nhất: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và tòa bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì toàn bộ các đương sự cũng chỉ yêu cầu chia di sản của cụ Niên, cụ Chiêu là thửa đất 217B có diện tích 576 m². Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà H trình bày cũng chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là 576 m². Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm lại căn cứ vào Sơ đồ hiện trạng thửa đất đo là 616m² để chia di sản thừa kế, mà không đánh giá diện tích dôi dư là do đâu, chỉ đánh giá là diện tích đo thực tế là không chính xác, bên cạnh đó phía bị đơn là ông H đã có đơn và lời trình bày có xác nhận của hàng xóm là gia đình ông đã sử dụng lấn vào phần mương của xóm.

[6.2] Thứ hai: Tại biên bản xác M ngày 17/3/2022 về xác định nguồn gốc các thửa đất. Tại biên bản này chỉ thể hiện thửa đất 217B phía bắc giáp rãnh thoát nước, sơ đồ thửa đất được thể hiện tại tờ bản đồ thửa đất năm 1994 xã N có tỷ lệ 1/500 (1cm tương ứng với 5m ngoài thực địa). Việc xác M về diện tích thửa đất như trên là chưa đầy đủ, bởi lẽ thực tế hiện nay rãnh thoát nước không còn, các hộ dân đã lấn chiếm và lấp mương này để làm ngõ đi chung, gia đình ông H đã xây dựng cả nhà ở cho con gia trên rãnh thoát nước này, nên không thể xác định đâu là ranh giới, mốc giới của rãnh thoát nước. Nếu chỉ căn cứ vào bản đồ giải thửa sau khi trừ đi diện tích thoát nước để xác định diện tích dôi dư của thửa đất là không đúng.

Từ những pH5 tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn, xác định lại thửa đất 271B là di sản của cụ Niên, cụ Chiêu có diện tích 576 m² (có sơ đồ kèm theo) để chia cho các thừa kế.

[7] Về nội dung thứ 2: Ông H cho rằng Tòa chỉ chia cho gia đình ông 50m² là không đảm B1, yêu cầu xem xét lại. Về nội dung này Tòa cấp sơ thẩm xử cho bà G 50m² đất là chưa chính xác: Thứ nhất: Việc xem xét công sức duy trì tồn tạo vào thửa đất không chỉ có bà G, mà phải có cả công sức của ông H, mặt khác kể từ sau khi cụ Niên, cụ Chiêu và bà Gái chết, ông H, bà G đều là những người quản lý di sản, có đóng thuế đất hàng năm, nên phải tính công duy trì, tồn tạo cho cả ông H và bà G, công duy trì phải tính bằng 1 suất chia theo luật mới thỏa đáng. Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông H, Hội đồng xét xử phúc thẩm tính công sức duy trì, tồn tạo cho ông H, bà G bằng 01 suất thừa kế theo luật.

[8] Nội dung kháng cáo thứ 3 đó là ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của ông về thửa đất 497 tờ bản đồ số 4, diện tích

100m², địa chỉ: Đường 351, thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, Hải Phòng. Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chỉ dựa vào giải thửa và mục kê của xã đứng tên ông Dương Văn Hưng mà phán quyết là tài sản của cá nhân ông Hưng. Về nội dung này hiện tại các bên đương sự không bên nào cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được thửa đất số 497 là di sản của cụ Niên và cụ Chiêu. Vậy có căn cứ xác định thửa đất này do Nhà nước cấp có thu tiền sử dụng đất cho anh Dương Tôn H2 (tên gọi khác là Dương Văn Hưng) theo diện tích đo thực tế là 98.67m². Nên yêu cầu kháng cáo này của ông H không được xem xét chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, cần sửa án sơ thẩm chia di sản cụ Niên cụ Chiêu như sau:

[9] Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2022, di sản của cụ Niên, cụ Chiêu là thửa đất 217B tại tờ bản đồ số 04 thuộc thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng có diện tích 576 m² và có 1 phần tài sản do gia đình ông H xây dựng. Phần tài sản do gia đình ông H xây dựng không có ai yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.1] Những người thuộc diện được hưởng thừa kế là bà H, ông H, vợ và các con của ông Miên, vợ và các con của ông Nhậm. Bà H, ông H được hưởng 1 phần bằng nhau; vợ và các con của ông Miên được hưởng 1 phần bằng nhau; 05 người con của ông Nhậm, bà L được hưởng di sản của cụ Chiêu đáng ra ông Nhậm được hưởng.

Trước khi chia cần xem xét đến quyền lợi, công sức duy trì, tôn tạo của ông H, bà G và trừ đi diện tích ngõ đi chung, sau đó mới chia cho các đồng thừa kế. Như vậy di sản còn lại để chia sau khi trừ 71 m² (ngõ đi chung) là 505 m² đất.

[9.2] Chia cụ thể 505 m²: 5 = 101 m². Như vậy trừ công sức duy trì tôn tạo của ông H, bà G là 101m² thì những người trong hàng thừa kế gồm bà H; ông H; vợ và các con ông Miên; vợ và các con ông Nhậm được hưởng 1 suất thừa kế theo luật là 101 m².

[10] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Bà H, bà H4, bà M, bà L, chị P, chị Đ, chị H3, chị H4, anh H2, anh C, anh B, anh B1, chị T và chị H6 đều có nguyện vọng được chia bằng hiện vật và giao cho bà H đại diện quản lý sử dụng chung.

[10.1] Bà H được hưởng 101m²; Bà Vũ Thị M và các con của ông Miên (là Dương Thị P, Dương Thị Đ, Dương Thị H3, H, Dương Tôn H2) được hưởng 101m² (mỗi người đc 14,4 m²); vợ và các con của ông Nhậm được hưởng 101m² (trong đó anh B, anh B1, anh H5, chị T, chị H6 mỗi người được hưởng 18,5m²); bà L được hưởng 8,4m² và 18,5m² anh H5 cho thành 26,9m². Toàn bộ diện tích này giao cho bà H đại diện quản lý. Trong trường hợp những người liên quan có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[10.2] Xét vị trí pH5 chia: Về nguyên tắc việc pH5 chia hiện vật phải vị trí liền thửa mới B1 đảm được giá trị sử dụng. Trong vụ án cụ thể này, ông H đã cho hai con mỗi người sử dụng 1 phần di sản ở 2 vị trí khác nhau nên cần xem xét để có cách pH5 chia hợp lý, đảm B1 quyền lợi cho các đương sự khác.

[10.3] Do công trình của vợ chồng chị H7 và vợ chồng anh M được ông H cho xây dựng nằm trên 1 phần di sản thừa kế ở cạnh phía Bắc và phía N thửa đất. Vậy cần chia cho bà H, bà M, bà L, chị P, chị Đ, chị H3, chị H4, anh H2, anh C, anh B, anh B1, chị T và chị H6 phần diện tích 303m² nằm ở vị trí giữa thửa đất và giao cho bà H đại diện quản lý sử dụng chung.

[11] Về án phí: Do chia lại diện tích đất nên án phí được tính lại. Theo kết quả định giá tài sản, giá đất là 8.000.000 đồng/m². Bà H (sinh năm 1952), ông H (sinh năm 1955), bà M (sinh năm 1941), bà L (sinh năm 1948), bà P (sinh năm 1961) có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại khoản 1 Điều 146 của BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà G được chia công sức nên không phải chịu án phí; chị Đ, chị H3, chị H4, anh H2 và anh C mỗi người phải chịu (14,4m² x 8.000.000đ = 115.200.000đ x 5% = 5.760.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên kỷ phần được chia; anh B, anh B1, anh H5, chị T và chị H6 mỗi người phải chịu (18,5m² x 8.000.000đ = 148.000.000đ x 5% = 7.400.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên kỷ phần được chia.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 92, 147, 219, 244 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 610, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn H chia di sản thừa kế của đôi với khối di sản của cụ Dương Văn Niên và Nguyễn Thị Chiêu. Xác định khối di sản của cụ Dương Văn Niên và Nguyễn Thị Chiêu để lại là diện tích đất 576m² tại thửa đất số 217B, tờ bản đồ số 04 thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nằm ở các mốc giới 7, 8, 9, 2, 1, 24, 23, 22, 21, 19, 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12 trên sơ đồ.

2. Tạo lập lối ngõ đi chung có diện tích 70,1m² có các mốc giới 7,8,11,20,19,18,17,16,15,14,13,12 trên sơ đồ). Diện tích còn lại là 505m² chia cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà H 101m², bà Vũ Thị M 14,4m², bà Đinh Thị L 26,9m², chị Dương Thị P 14,4m², chị Dương Thị Đ 14,4m², chị Dương Thị H3 14,4m², chị Dương Thị H4 14,4m², anh Dương Tôn H2 14,4m², anh Dương Quốc C 14,4m², anh

Dương Văn B 18,5m², anh Dương Văn B1 18,5m², chị Dương Thu T 18,5m² và chị Dương Thị H6 18,5m². Tổng diện tích 303m² (có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia cho ông H và rãnh nước; Phía N giáp đất chia cho ông H; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập; phía Tây giáp hộ bà Mùi). Giao cho bà H làm đại diện quản lý (có các mốc giới 1,2,9,10,11,20,22,23,24 trên sơ đồ).

2.2. Chia, giao cho ông Dương Văn H quản lý, sử dụng diện tích 50m² do chị H7 và anh N đang quản lý (có tứ cận: Phía Bắc giáp ruộng nước; phía N và phía Tây giáp đất chia, giao cho bà H đại diện quản lý; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập - gồm các mốc giới 8,9,10,11 trên sơ đồ);

2.3. Chia, giao cho ông Dương Văn H và bà Phạm Thị G quản lý, sử dụng chung diện tích 152m² (có 1 phần anh M và chị D1 đang quản lý) có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia, giao cho bà H đại diện quản lý; phía N đất ông H được bố mẹ cho; phía Đ giáp ngõ đi chung mới tạo lập; phía Tây giáp hộ bà Mùi - gồm các mốc giới 19,20,21,22 trên sơ đồ). Trong diện tích 152m², bà Phạm Thị G được hưởng 50m², ông H được hưởng 102m². Trường hợp không thống nhất tự pH5 chia được thì ông H, bà G có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông H, bà G, chị H7, anh N, anh M, chị D1 tự giải quyết với nhau về tH4 toán giá trị là công trình, vật kiến trúc trên phần di sản ông H, bà G được chia, giao. *(Có sơ đồ pH5 chia đất kèm theo)*

Các bên có trách nhiệm đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận kháng cáo Dương Văn H đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 100m² (đo thực tế là 98.67m²) tại thửa đất số 497, tờ bản đồ 04 thôn Quỳnh H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, ông Dương Văn H, bà Vũ Thị M và bà Đinh Thị L.

Chị Dương Thị Đ, Dương Thị H3, H, Dương Tôn H2 và Dương Quốc C mỗi người phải chịu 5.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương Văn B, Dương Văn B1, Dương Thu T và Dương Thị H6 mỗi người phải chịu 7.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường